TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26/5/2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thế Nam**

2/ Bà **Chu Hạ Uyên**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Thành** - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị **Trần Thị N** – sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

* <u>*Bị đơn*</u>: Anh **Nguyễn Cao N** – sinh năm: 1991

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 2 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị N và anh N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian dầu hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đầy xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng hay bất

đồng quan điểm, gây gỗ cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân được 03 tháng nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Phương L – sinh ngày: 19/9/2011, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Cao N trình bày: anh N xác nhận lời trình bày của chị N về thời điểm kết hôn như chị N trình bày là đúng. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn. Hiện tại, chị N xin ly hôn, anh đồng ý. Do bận công việc nên anh N xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử.

- Về con chung: Anh N đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Phương L – sinh ngày: 19/9/2011 cho chị N nuôi dưỡng. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

- Ý kiến của kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Cao N. Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Trần Phương L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N; về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nợ chung: không có nên không xem xét; về án phí: chị N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị N khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Cao N, anh N có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: chị Trần Thị N, anh Nguyễn Cao N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo

quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh N xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/7/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống chị N, anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm. Tuy nhiên, do các bên không khéo dàn xếp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh chị hiện sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**4] Về con chung:** Xét cháu Nguyễn Trần Phương L – sinh ngày: 19/9/2011 hiện đang sống với chị N. Chị N, anh N đều thống nhất giao cháu L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Cao N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Phương L – sinh ngày: 19/9/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Cao N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005421 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKS cùng cấp;
- THADS TP.LK;
- UBND xã H (Số 98_28/7/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Hải